

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**- 1 -
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2024

V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng giữa ông T và bà T1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Ông Nguyễn Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1975 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu: Ấp 6, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: ông T và bà Phạm Thị T1 cưới nhau vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng ông sống chung cha mẹ ruột của ông khoảng 02 năm thì cất nhà ở riêng cũng tại ấp F, xã P, huyện C. Ông và bà T1 chung sống cũng hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bà T1 có quan hệ với người đàn ông khác, sống không chung thủy nên vợ chồng đã ly thân từ 2021 cho đến nay nhưng cả hai không ai có thiện chí hàn gắn được hạnh phúc. Nay, ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T1.

-*Về nuôi con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1995 và Nguyễn Ngọc Minh P, sinh năm: 1999. Các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản chung*: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về nợ chung*: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị T1 trình bày:

-*Về hôn nhân*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc T về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thời gian ly thân, về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên đánh đập bà nên bà mới bỏ nhà đi, bà không quen người đàn ông khác như ông T trình bày mà chính ông T quen người phụ nữ khác trong thời gian bà bỏ nhà đi. Hiện cả hai vẫn không hàn gắn được tình cảm nên bà đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

-*Về nuôi con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1995 và Nguyễn Ngọc Minh P, sinh năm: 1999. Các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản chung*: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về nợ chung*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Phạm Thị T1. Bà T1 có nơi cư trú tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo văn bản số 16/UBND-XN ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C thể hiện qua kiểm tra tàng thư sổ bộ H về đăng ký kết hôn thì không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông T và bà T1 và Theo văn bản số 981/GCN-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C thể hiện qua kiểm tra tàng thư sổ bộ H kết hôn thì trong bộ sổ đăng ký kết hôn năm 1994 của xã P không thấy của ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị T1.

Ông T cho rằng ông và bà T1 chung sống cũng hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bà T1 có quan hệ với người đàn ông khác, sống không chung thủy nên vợ chồng đã ly thân từ 2021 cho đến nay

nhưng cả hai không ai có thiện chí hàn gắn được hạnh phúc nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T1.

Bà T1 xác định về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên đánh đập bà nên bà mới bỏ nhà đi, bà không quen người đàn ông khác như ông T trình bày mà chính ông T quen người phụ nữ khác trong thời gian bà bỏ nhà đi. Hiện cả hai vẫn không hàn gắn được tình cảm nên bà đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T1 là có căn cứ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị T1.

[2.2] Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1995 và Nguyễn Ngọc Minh P, sinh năm: 1999. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.6] Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn bà Phạm Thị T1.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị T1.

2. Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0010471 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung